Số: 26/NQ-HĐND
Thời gian ký: 2026-07-06T15:46:34+07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I
QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	**TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**49.256.134**	**82.029.991**	**32.773.857**	**166,5%**
I	**THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**23.669.760**	**24.336.773**	**667.013**	**102,8%**
1	Thu ngân sách địa phương hưởng 100%	13.023.460	11.992.581	-1.030.879	**92,1%**
2	Thu ngân sách địa phương hưởng từ các khoản thu phân chia	10.646.300	12.344.192	1.697.892	**115,9%**
II	**THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**	**23.814.193**	**34.362.914**	**10.548.721**	**144,3%**
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	15.349.237	15.349.237	0	100,0%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	8.464.956	19.013.677	10.548.721	224,6%
III	**THU TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH**	-	-	-	
IV	**THU KẾT DƯ**	-	**2.563.211**	**2.563.211**	
V	**CÂN ĐỐI TỪ NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG**	**1.772.181**			
VI	**THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG**		**20.140.197**	**20.140.197**	
VII	**THU HUY ĐỘNG, ĐÓNG GÓP**	-	**200.595**	**200.595**	
VIII	**THU VIỆN TRỢ**	-		-	
IX	**THU TỪ NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NỘP LÊN**	-	**300.574**	**300.574**	
X	**VAY CỦA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**		**125.727**		
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**49.463.334**	**78.152.111**	**28.688.777**	**158,0%**
I	**TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**40.998.378**	**42.754.552**	**1.756.174**	**104,3%**
1	Chi đầu tư phát triển	12.878.880	9.575.649	-3.303.231	74,4%
2	Chi thường xuyên	27.242.651	32.790.790	5.548.139	120,4%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	14.500	11.267	-3.233	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.210	376.846	374.636	17051,9%
5	Dự phòng ngân sách	860.137			
6	Chi tạo nguồn, cải cách tiền lương				
II	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**	**8.464.956**	**6.934.420**	**-1.530.536**	**81,9%**
	- Vốn đầu tư	*6.704.533*	*6.599.075*	*-105.458*	*98,4%*
	- Vốn sự nghiệp	*1.760.423*	*335.346*	*-1.425.077*	*19%*
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	559.837	799.580	239.743	143%
	- Vốn đầu tư	*472.397*	*464.234*		*98%*
	- Vốn sự nghiệp	*87.440*	*335.346*		*384%*
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	7.905.119	6.134.840	-1.770.279	*77,6%*
	- Vốn đầu tư	*6.232.136*	*6.134.840*	-97.296	*98,4%*
	- Vốn sự nghiệp	*1.672.983*			*0,0%*
III	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**	-	**27.473.770**	**27.473.770**	

IV	**CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**		**874.979**	**874.979**	
V	**CHI HỖ TRỢ CÁC ĐỊA PHƯƠNG KHÁC**		**114.390**		
C	**BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG/ KẾT DƯ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**(207.200)**	**3.842.136**	**4.049.336**	
D	**CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**36.900**	**35.744**	**(1.155,89)**	**97%**
E	**TỔNG MỨC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**244.100**	**-**	**-**	
G	**TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**551.224**		**-551.224**	**0,0%**